

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 577/2023/DS-ST
Ngày: 26 – 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Nguyễn Đình Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1038/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1037/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; Địa chỉ trụ sở: Số D đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ liên hệ: Số I đường C, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 2000; Địa chỉ liên hệ: Số I đường C, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Quyết định số 1054B/QĐ-NHKL ngày 31/3/2023 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1972; Ngụ tại: 1 đường T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K do ông Nguyễn Chí C làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 14/11/2018, bà Trần Thị Thu H có ký với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20038319000040 với nội dung cụ thể như sau:

- Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức: 50.000.000 đồng.
- Ngày giải ngân: 19/11/2018.
- Mục đích vay: Tiêu dùng.
- Lãi suất cho vay: 22%/năm. Lãi suất vay cố định tại thời điểm ký Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20038319000040 ký ngày 14/11/2018.
- Lãi suất chậm trả: 3.5%/kỳ (tháng).
- Phí vượt hạn mức: 0.075%/ngày (Tối thiểu 22.000 đồng/ngày)
- Các loại phí Theo thỏa thuận tại Điều 2 và Điều 3 Phụ lục 1 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1.
- Hình thức thanh toán: Lãi và gốc trả hàng tháng từ ngày 01 đến ngày 05 của mỗi tháng
- Dư nợ cuối kì = Dư nợ đầu kì – các khoản đã thanh toán trong kỳ + Các khoản chi tiêu trong kỳ + Phí + Lãi.
- Thứ tự ưu tiên thanh toán: Việc thanh toán sẽ được trừ theo thứ tự phí, lãi và gốc.
- Công thức tính tiền lãi trong hạn như sau: Tiền lãi = (Dư nợ gốc thực tế x số ngày x lãi suất áp dụng là 22%/năm)/365 ngày
- Phí phạt chậm thanh toán được tính một lần/kỳ trên số tiền chậm thanh toán của số tiền thanh toán tối thiểu khi chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thanh toán tối thiểu đúng hạn quy định, tối thiểu là 50.000 đồng/tháng, tối đa là 630.000 đồng/tháng.

Khoản vay của bà H là khoản vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã rút số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 19/11/2018 và thanh toán qua thẻ tín dụng số tiền 25.00.000 đồng vào ngày 19/11/2018 được ghi nhận vào hệ thống ngày 21/11/2018, tổng số tiền bà H đã sử dụng là 50.000.000 đồng. Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 8.009.000 đồng, trong đó nợ gốc là 5.972.026 đồng, tiền lãi là 1.915.871 đồng, phí phạt chậm trả là 121.103 đồng. Sau ngày 05/4/2019, bà H hoàn toàn không

thanh toán thêm khoản tiền nào. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán dứt điểm nợ nhưng bà H không thanh toán. Do bà H đã vi phạm hợp đồng đã ký nên Ngân hàng đã tiến hành khoá thẻ tín dụng của bà H vào ngày 11/01/2023.

Tính đến ngày 26/9/2023, bà H còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền là 159.764.719 đồng. Nay Ngân hàng K đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc bà Trần Thị Thu H phải thanh toán một lần cho Ngân hàng K tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2023 là 159.764.719 đồng, trong đó nợ gốc là 44.027.974 đồng, nợ lãi trong hạn là 47.902.507 đồng, phí phạt chậm thanh toán là 30.737.767 đồng, phí phạt sử dụng vượt hạn mức là 36.696.471 đồng, phí thường niên của năm 2020 là 400.000 đồng.

- Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi và phí phát sinh từ ngày 27/9/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

- Buộc bà H phải chịu toàn bộ tiền án phí và các chi phí tố tụng khác có liên quan đến vụ án này.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho bà Trần Thị Thu H nhưng phía bị đơn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 302, 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005, Khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP K: Buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2023, bà H còn nợ tổng số tiền là 159.764.719 đồng, trong đó nợ gốc là 44.027.974 đồng, nợ lãi trong hạn là 47.902.507 đồng, phí phạt chậm thanh toán là 30.737.767 đồng, phí phạt sử dụng vượt hạn mức là 36.696.471 đồng, phí thường niên của năm 2020 là 400.000 đồng.

+ Bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2023 cho đến ngày trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

+ Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020 của nguyên đơn, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/11/2018; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do bà Trần Thị Thu H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2023 159.764.719 đồng, trong đó nợ gốc là 44.027.974 đồng, nợ lãi trong hạn là 47.902.507 đồng, phí phạt chậm thanh toán là 30.737.767 đồng, phí

phạt sử dụng vượt hạn mức là 36.096.471 đồng, phí thường niên của năm 2020 là 400.000 đồng. Nợ lãi và phí tiếp tục phát sinh kể từ ngày 27/9/2023 cho đến ngày trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/11/2018 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bà H đã vi phạm quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; vi phạm Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn và phạt vi phạm phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, phí, lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán*: Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 159.764.719 đồng, do đó án phí bà H phải chịu là 7.988.236 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 1.732.783 đồng mà Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0071126 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K:

Buộc bà Trần Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền là 159.764.719 đồng, trong đó nợ gốc là 44.027.974 đồng, nợ lãi trong hạn là 47.902.507 đồng, phí phạt chậm thanh toán là 30.737.767 đồng, phí phạt sử dụng vượt hạn mức là 36.096.471 đồng, phí thường niên của năm 2020 là 400.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.988.236 đồng (bảy triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 1.732.783 đồng (một triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi ba đồng) mà Ngân hàng TMCP K đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0071126 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương